

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 01 - 2024
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Đào.

2. Ông Trương Văn Lai.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Mộc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 01/01/1977. Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ở hiện nay: Số C, đường N, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc D - Luật sư Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh S. Địa chỉ văn phòng: Số I, đường T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: số B PORTER DR ABBOTSFORD BC V 2S8 CANADA (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: Bà và ông Trần Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới đã lâu nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 20/12/2016. Trong thời gian chung sống với nhau thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa bà và ông Đ ngày càng gây gắt cho nên bà và ông Đ đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Với tình trạng hôn nhân không hạnh phúc, gia đình hai bên cũng đã nhiều lần khuyên bảo

để hàn gắn hôn nhân nhưng đến nay giữa bà và ông Đ không khắc phục được mâu thuẫn.

Do cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông Đ không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng đã không còn, do vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thương yêu nhau và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có với nhau hai người con chung là Trần Trí T1, sinh ngày 26/02/1998; Trần Tiền T2, sinh ngày 19/5/2004. Hiện nay các con đã trưởng thành, phát triển bình thường và đã sống tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Đ không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 30/10/2023 của ông Trần Văn Đ trình bày: Ông là bị đơn trong vụ án ly hôn có nguyên đơn là bà Trần Thị Bích T3 và ông có nhận được thông báo thụ lý số 38/TB-TLVA ngày 09/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thụ lý vụ án này ông xin có ý kiến: về quan hệ hôn nhân ông đồng ý ly hôn với bà T3; về con chung ông và bà T3 có hai con chung là Trần Trí T1, sinh ngày 26/2/1998 và Trần Tiền T2, sinh ngày 19/5/2004 hiện nay đã trưởng thành có cuộc sống độc lập nên ông cũng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung trong thời gian chung sống thì ông và bà T3 không có tài sản chung, không thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ ông và bà T3 nên ông cũng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay ông ở xa bận việc làm nên ông không thể có mặt để tham gia trong suốt quá trình giải quyết vụ án ly hôn nên ông xin phép vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, kể cả phiên tòa xét xử, ông không có thắc mắc hay khiếu nại gì về sau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T trình bày và đề nghị: Do vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích T và ông Trần Văn Đ xảy ra mâu thuẫn và không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà T có yêu cầu ly hôn; giữa bà T và ông Đ có hai con chung nay các con đã trưởng thành và khỏe mạnh nên bà không yêu cầu xem xét; về tài sản chung và nợ chung bà T và ông Đ xác định là không có. Đối với yêu cầu của bà T, ông Đ cũng thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Bích T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn Đ; bà Nguyễn Thị Bích T và ông Trần Văn Đ có con chung, đã trưởng thành và sống tự lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung, nợ

chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Trần Văn Đ là người Việt Nam nhưng đang định cư tại nước ngoài (Canada) nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý và xác định quan hệ pháp luật để giải quyết là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn có văn bản yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Trần Văn Đ là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Trần Văn Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2018. Mặc dù vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vợ chồng không hàn gắn được và hiện nay mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, bà T yêu cầu ly hôn thì ông Trần Văn Đ cũng thống nhất ly hôn với bà T. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng bà T và ông Trần Văn Đ không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người, ông Trần Văn Đ cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T xin được ly hôn với ông Đ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho bà T được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Do các con đã trưởng thành, phát triển bình thường thể chất, tinh thần và đã sống tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích T và ông Trần Văn Đ thì giữa hai người không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[2.6] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, khỏe mạnh và sống tự lập, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0011651 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND huyện Kế Sách;
- Lưu Tòa HNGĐ&NCTN;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy